

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2021/DS-ST

Ngày: **15 -4** -2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Trần Văn Trọng

-Thư ký phiên toà:

Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND
huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh
Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công Bi vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
60/2020/TLST-**DS** ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
11/2021/QĐXXST-DS ngày **09/3/2021**, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch A, sinh năm 1969; nơi cư trú: khu phố
1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

-Đại diện hợp pháp của bà A: Ông Hồ Sỹ A1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp
2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2.Bị đơn: Ông Huỳnh Đạt B, sinh năm 1971; nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn
2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Bà Huỳnh Thị Bạch C, sinh năm 1966 (chết 2014); nơi cư trú: ấp An Trung,
xã An Nhứt, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà C: Bà Bùi Thị Thanh C1, sinh năm
1990; nơi cư trú: ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Bà Huỳnh Thị Bạch D, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh
Bà Rịa-Vũng Tàu;

+Ông Huỳnh Đạt E, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Cha Bà Huỳnh Thị Bạch A tên Huỳnh Văn Kh, sinh năm 1940 (chết 2014); mẹ bà A tên Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1942 (chết năm 1986). Ông Kh, bà Th chết không để lại di chúc.

Cha mẹ bà A sinh được 05 người con, gồm: bà Huỳnh Thị Bạch C, sinh năm 1966 (chết năm 2014); bà Huỳnh Thị Bạch A, sinh năm 1969; bà Huỳnh Thị Bạch D, sinh năm 1974; ông Huỳnh Đạt E, sinh năm 1979, ông Huỳnh Đạt B, sinh năm 1971.

Khi còn Sống ông Kh có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất số BC 212068 ngày 09/7/2010, thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ, diện tích 889m². (số GCNQSD đất cũ: C 857767 ngày 08/8/1995)

Ngày 01/5/2005 ông Kh họp các con trong gia đình và chia diện tích đất nêu trên cho 05 người con gồm:

Lô 1: Diện tích 223,7m² (trong đó có 100m² đất ở) giao cho ông B; ngày 25/8/2010 ông Kh công chứng hợp đồng tặng cho ông B diện tích đất nêu trên; hiện nay ông B đã được cấp GCNQSD đất số BC 831580 ngày 28/9/2010.

Lô 2: Diện tích 225,7m² (trong đó có 100m² đất ở) giao cho ông E; ngày 23/8/2010 ông Kh công chứng hợp đồng tặng cho ông E diện tích đất nêu trên; hiện nay ông E đã được cấp GCNQSD đất số BC 831583 ngày 28/9/2010.

Riêng 03 lô (3, 4, 5), 03 người con gái là bà C, bà A và bà D được ông Kh cho bằng hình thức bốc thăm: ai bốc được diện tích nào thì cho diện tích đó;

Bà D bốc được (lô 3) diện tích 164,5m², nay là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ, đã được cấp GCNQSD đất số BC 831579 ngày 28/9/2010;

Bà C bốc được (lô 4) diện tích 119,4m² (trong đó có 50m² đất ở); ngày 23/8/2010 ông Kh công chứng hợp đồng tặng cho bà C diện tích đất nêu trên; hiện bà C đã được cấp GCNQSD đất số BC 831582 ngày 28/9/2010; (năm 2014 bà C chết thì con bà C là Bùi Thị Thanh C1 lập thủ tục thừa kế và quản lý, sử dụng);

Bà A bốc được (lô 5) diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ là diện tích đất còn lại của quyền sử dụng đất số BC 212068 ngày 09/7/2010;

Tuy nhiên bà A nói ông Kh còn khỏe nên để ông Kh sử dụng, sau này ông Kh không sử dụng bà A sẽ lập thủ tục sang tên sau, anh em trong nhà nên không nghĩ sẽ có việc tranh chấp; sau khi ông Kh mất ông B giữ giấy đỏ cho tới nay, không thừa nhận việc ông Kh cho bà A diện tích đất trên và không giao giấy đỏ cho bà A lập thủ tục sang tên nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn Kh và bà Huỳnh Thị Bạch A.

+ Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ cho bà A;

+ Buộc ông Huỳnh Đạt B giao trả bản chính GCNQSD đất số BC 212068 cấp ngày 09/7/2010 cho bà A lập thủ tục sang tên theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đề nghị được tự nguyện chịu toàn bộ.

- Quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Ông Huỳnh Đạt B thừa nhận và quan hệ huyết thống, số anh em trong gia đình và tài sản của ông Kh là quyền sử dụng đất số BC 212068 ngày 09/7/2010 (số cũ: C 857767 ngày 08/8/1995), thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ, diện tích 889m² được chia thành 05 lô như nguyên đơn trình bày.

Ông B, bà D thừa nhận ngày 01/5/2005 ông Kh có lập thủ tục chia QSD đất nêu trên thành 05 phần cho 05 người con và phần diện tích ông được chia, cũng như GCNQSD đất ông và các anh chị em của ông được cấp như nguyên đơn trình bày;

Phần diện tích đất còn lại 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ (lô 5) tặng cho bà A bằng hình thức bốc thăm ngẫu nhiên; tuy nhiên thời điểm đó bà A không nhận đất mà yêu cầu được nhận bằng tiền nên ông Kh đã giao cho bà A số tiền 8.000.000 đồng và tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất cho đến khi chết.

Việc giao tiền không có ai chứng kiến, không lập thành biên bản nhưng trước đây ông B có giữ các lá thư bà A gửi có nội dung đã nhận số tiền 8.000.000 đồng nêu trên, nhưng nay ông B đã bị mất nên không cung cấp cho Tòa án được.

Ông B xác định không giữ bản chính GCNQSD đất số BC 212068 ngày 09/7/2010 như nguyên đơn trình bày;

Diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ hiện bỏ trống, ông B không canh tác sử dụng nên không có quyền công nhận hay không công nhận cho bà A.

- Bà Huỳnh Thị Bạch D trình bày: Bà D thừa nhận về quan hệ huyết thống, số anh em trong gia đình và tài sản của ông Kh là quyền sử dụng đất số BC 212068 ngày 09/7/2010 (số cũ: C 857767 ngày 08/8/1995), thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ, diện tích 889m² như nguyên đơn, bị đơn trình bày.

Bà D thừa nhận ngày 01/5/2005 ông Kh có chia quyền sử dụng đất nêu trên thành 05 phần cho 05 người con, trong đó 02 người con là Huỳnh Đạt B và Huỳnh Đạt E được cho theo hình thức chỉ định, 03 người con gái được cho theo hình thức bốc thăm (ai bốc được lô nào thì nhận lô đó) như nguyên đơn trình bày;

Bà D bốc được phần diện tích 164,5m², nay là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ. Ngày 23/8/2010 ông Kh công chứng hợp đồng tặng cho bà D diện tích đất nêu trên, được Văn phòng công chứng Lam Sơn chứng thực số 2221, quyền số 01/ TP/CC-SCC/HĐGD. Bà D đã được cấp GCNQSD đất số BC 831579 ngày 28/9/2010

Phần diện tích đất còn lại 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ bà A bốc thăm trúng nên đã được tặng cho; tuy nhiên bà A chưa yêu cầu ông Kh lập thủ tục công chứng, sang tên. Năm 2014 ông Kh chết, các anh chị em đồng ý lập thủ tục cho bà A đứng tên quyền sử dụng đối với diện tích

đất nêu trên nhưng ông B yêu cầu bà A phải giao cho ông B quyền lợi vật chất nhất định thì mới đồng ý ký và giao bản chính quyền sử dụng đất cho bà A.

Bà D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập đối với vụ án này.

-Bà Bùi Thị Thanh C1 trình bày:

Bà Sang là con gái bà Huỳnh Thị Bạch C (chết năm 2014), bà C là chị gái của bà A và ông B nên bà Sang gọi bà A bằng dì, gọi ông B bằng cậu. Khi bà C còn sống được ông Huỳnh Văn Kh chia cho diện tích đất 119,4m², thửa đất số 89 (cũ số: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ đã được cấp GCNQSD đất số BC 831582 ngày 28/9/2010; sau khi bà C chết bà Sang đã đi lập thủ tục khai nhận thừa kế và được chỉnh lý sang tên cho bà Sang. Bà Sang không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Ông Huỳnh Đạt E được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông E.

-Về tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

1.1.Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao); 04 Giấy CNQSD đất (bản sao); 04 Hợp đồng tặng cho QSD đất (bản sao); 03 giấy chứng tử (bản sao); 01 giấy cam kết ngày 16/02/2014 và 01 giấy phân chia đất ngày 01/5/2005(bản phô tô).

1.2. Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2021;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS. Tuy nhiên ông Huỳnh Đạt E và ông Huỳnh Đạt B vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Tòa án còn thụ lý vụ án quá hạn, Thẩm phán còn để quá hạn thời hạn xét xử, chưa thể hiện tổng đạt thụ lý cho ông E và bà Sang. Do bà A cung cấp phân chia đất phô tô ngày 01/5/2005 không phải bản chính nên cần xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất mới đúng.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ông Huỳnh Văn Kh chết không để lại di chúc, ngày 01/5/2005 có lập văn bản chia đất cho các con như nguyên đơn trình bày; do đó có cơ sở công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận diện tích đất 155,7m², thửa đất số 211, tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ cho nguyên đơn; tuy nhiên nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ về việc ông B đang giữ bản chính GCNQSD đất

BC 212068 ngày 09/7/2010 cấp cho ông Kh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện của nguyên và lời trình bày của các bên đương sự, hợp đồng được thực hiện tại thị trấn Đất Đỏ, tài sản tranh chấp tọa lạc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Giao dịch giữa các bên ngày 01/5/2005, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự “*thời hiệu khởi kiện... tranh chấp hợp đồng là 03 năm...*”; tuy nhiên các bên đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu, do đó HĐXX không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/5/2005 công nhận cho nguyên đơn quyền sử dụng diện tích đất 155,7m², thửa đất số 211 (cũ số: 19), tờ bản đồ số 77 thị trấn đất đỏ; căn cứ khoản 3 Điều 26 BLTTDS, khoản 10 Điều 3 Luật đất đai, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

[1.4] *Về áp dụng pháp luật:* Nguyên đơn và bị đơn thực hiện giao dịch dân sự với nhau từ ngày 01/5/2005 là thời điểm Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) 1995 đang có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng BLDS 1995 và điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[1.5] *Về người tham gia tố tụng:* Bà Huỳnh Thị Bạch C chết năm 2014, có chồng là ông Bùi Minh Hoàng, có con là Bùi Thị Thanh C1; tuy nhiên các đương sự thống nhất với nhau về quan hệ huyết thống, thời điểm tặng cho tài sản, do đó không đưa ông Hoàng vào tham gia tố tụng. Ông B, ông E được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, bà D, bà Sang có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.6] *Về nội dung các đương sự thống nhất được với nhau:*

Nguyên đơn cung cấp bản phô tô văn bản viết tay có tiêu đề “Giấy phân chia đất ruộng” ngày 01/5/2005 (BL 76) do ông Huỳnh Văn Kh lập với nội dung: “...*tôi Huỳnh Văn Kh...có miếng đất bề ngang 20m, bề dài 55m, nay tôi chia cho 05 đứa con, mỗi đứa bề ngang 4m, bề dài 55m...chia bằng hình thức phân lô và bốc thăm...lô 1: Huỳnh Đạt B được hưởng...lô 2 Huỳnh Đạt E được hưởng...còn lại lô 3, lô 4, lô 5 phải bốc thăm...Huỳnh Thị Bạch D lô 3...Huỳnh Thị Bạch C lô*

4...Huỳnh Thị Bạch A lô 5...”.

Các đương sự cùng xác định: Văn bản “giấy phân chia ruộng đất” ngày 01/5/2005 tuy không ghi cụ thể số tờ, số thửa nhưng có thật; 04/05 người được tặng cho là ông B, ông E, bà C, bà D đã được cấp GCNQSD đất riêng và canh tác, sử dụng; đất ghi trong “giấy phân chia ruộng đất” tương ứng với một phần thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ 77 thị trấn Đất Đỏ, được cấp GCNQSD đất số BC 212068 ngày 09/7/2010 (số cũ: C 857767 ngày 08/8/1995); thời điểm lập văn bản bên tặng cho ông Kh còn khỏe mạnh, minh mẫn và bên được tặng cho không phải thực hiện nghĩa vụ gì đối với bên tặng cho.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, HĐXX xác định đây là những tính tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về tính pháp lý của văn bản “giấy phân chia ruộng đất”:* Văn bản “giấy phân chia ruộng đất” ngày 01/5/2005 về tặng cho đất có nội dung: Chia cho bà Huỳnh Thị Bạch A lô 5, tương ứng với diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ. Xét thấy thời điểm lập văn bản tặng cho bà A đất, toàn bộ thửa đất nêu trên ông Kh đã được cấp GCNQSD đất nên được thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, nhưng văn bản tặng cho đất không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực là vi phạm quy định tại Điều 131, Điều 463, 490, 691 và Điều 693 BLDS năm 1995;

[2.3] *Về yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất:*

Bà A yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/5/2005 đối với diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ BC 212068 cấp ngày 09/7/2010 giữa bên tặng cho là ông Huỳnh Văn Kh và bên được tặng cho là bà Huỳnh Thị Bạch A.

Như đã phân tích ở mục [1.6] và [2.1] hợp đồng tặng cho đất ngày 01/5/2005 tuy vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực nhưng việc lập văn bản và tặng cho nhau đất là có thật, phù hợp với quy định tại Điều 461 BLDS năm 1995, Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 129 Luật đất đai 2003; đối tượng của giao dịch là đất đã được bàn giao và cấp GCNQSD đất cho 04/05 người được tặng cho, bên tặng và bên được tặng cho không phản đối, không tranh chấp.

Bị đơn ông Huỳnh Đạt B xác định ngày 01/5/2005 ông Huỳnh Văn Kh có lập văn bản tặng cho bà A (lô 5) nay là diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ nhưng bà A không nhận đất mà yêu cầu được nhận bằng tiền nên ông Kh đã giao cho bà A số tiền 8.000.000 đồng; tuy nhiên ông B không đưa ra được tài liệu chứng minh cho lập luận của mình. Xét việc bà A yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho đất ngày 01/5/2005 là phù hợp quy định tại Điều 161 BLDS 1995 (Điều 457 BLDS năm 2015) và Điều 82

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên HĐXX chấp nhận; công nhận quyền sử dụng đất 155,7m², thửa đất số 211 (số cũ: 19), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ cho bà A.

[2.3] *Về tài sản trên đất*: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, trên diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ gồm có: 05 bụi chuối, 01 cây mít, 04 bụi tre, ngoài ra không có cây trồng, công trình vật kiến trúc gì khác; do các bên đương sự không có ai tranh chấp về tài sản trên đất nên không đặt ra để giải quyết.

[2.4] *Về yêu cầu giao trả bản chính GCNQSD đất*: Bà A và bà D cho rằng bị đơn ông B đang giữ bản chính GCNQSD đất số BC 212068 cấp ngày 09/7/2010 cho ông Huỳnh Văn Kh; bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng minh. Do đó không có căn cứ buộc bị đơn phải giao nộp bản chính GCNQSD đất như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp bị đơn không tự nguyện giao nộp hoặc bị mất hoặc không xác định được ai đang cất giữ bản chính GCNQSD đất nêu trên, nguyên đơn có quyền liên hệ cơ quan tài nguyên môi trường có thẩm quyền để đăng ký và lập thủ tục cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất 155,7m², thửa đất số 19 (số mới: 211), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ theo quy định pháp luật.

[3] *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với phân tích và nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên ông Huỳnh Đạt E và bà Bùi Thị Thanh C1 trong quá trình Tòa án giải quyết mới xác định là người liên quan nên không thông báo thụ lý vụ án cho ông E, bà Sang là phù hợp quy định khoản 4 Điều 68 BLTTDS. Đối với quan hệ pháp luật, như đã phân tích ở mục [1.3], cần xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” mới phù hợp với nội dung tranh chấp giữa các bên.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, nguyên đơn đã tạm nộp, nhưng nguyên đơn yêu cầu tự nguyện chịu toàn bộ nên HĐXX ghi nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu được tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm nên HĐXX ghi nhận.

[6] *Về kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 26, 35, 39, 70, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 157, 158, 184, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 131, 461, 463, 490, 691 và Điều 693 Bộ luật dân sự 1995;
Điều 457, 458, 459 và Điều 688 Bộ luật dân sự;
Điều 106 và 129 Luật Đất đai 2003;
Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bạch A về yêu cầu công nhận “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” ngày 01/5/2005 giữa bên tặng cho là ông Huỳnh Văn Kh với bên được tặng cho là bà Huỳnh Thị Bạch A.

Bà Huỳnh Thị Bạch A được quyền sử dụng diện tích đất 155,7m², thửa đất số 211 (cũ số: 19), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ BC 212068 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2010 cho ông Huỳnh Văn Kh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bạch A về việc buộc ông Huỳnh Đạt B phải giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 212068 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ cấp ngày 09/7/2010.

Ông Huỳnh Đạt B có quyền tự nguyện giao nộp bản chính chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 212068 ngày 09/7/2010 nêu trên (nếu có cất giữ);

3. Trường hợp ông Huỳnh Đạt B không tự nguyện giao nộp hoặc bị mất hoặc không xác định được ai đang cất giữ bản chính BC 212068 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ cấp ngày 09/7/2010 cấp cho ông Huỳnh Văn Kh, bà Huỳnh Thị Bạch A có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan tài nguyên môi trường có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất 155,7m², thửa đất số 211 (số cũ: 19), tờ bản đồ số 77 thị trấn Đất Đỏ cho bà A theo Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

4. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Bạch A tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*); bà A đã nộp đủ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu chi phí tố tụng.

5. Về án phí:

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Bạch A tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) bà A đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000768 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Hoàn trả cho bà A số tiền đã nộp còn lại là 4.700.000đ (*bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 15-4-2021**); đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án **hoặc** bản án được niêm yết.

7. Về thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đất Đỏ;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ H.Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt